

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 04/4/2023

V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bảo Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Phú

Bà Lê Kim Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phong Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 00 khu vực Q, phường T, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Narongrit C**; sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 00, tiểu quận K, quận Wang Nam Yen, tỉnh Sa Kaeo, Thái Lan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Narongrit C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt thành phố Cần Thơ ngày 22/9/2017. Sau khi kết hôn bà và ông Narongrit C chung sống rất hạnh phúc. Sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên có thời gian hàn gắn nhưng không thành nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Narongrit C.

Về con chung: Bà và ông Narongrit C có 01 người con chung tên Chaloemsaen Chi T1, sinh ngày 20/10/2016 (giới tính: Nam) và bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng bé Chaloemsaen Chi T1 đến trưởng thành, không yêu cầu ông Narongrit C cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Bà cho rằng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Narongrit C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thu thập được ý kiến của ông.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, do hai bên bất đồng quan điểm, thời gian ly thân kéo dài, hai bên không còn liên lạc gì với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án chấp nhận cho bà Bùi Thị T được ly hôn với ông Narongrit C và chấp nhận cho bà T là người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Chaloesaen Chi T1, sinh ngày 20/10/2016; ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông Narongrit C cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Bùi Thị T khởi kiện xin ly hôn với ông Narongrit C cư trú tại Thái Lan nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn ông Narongrit C đã được Tòa án tổng đạt, thông báo hợp lệ về thời gian mở phiên tòa nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là có căn cứ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị T và ông Narongrit C chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt ngày 22/9/2017 theo quy định của pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà T trình bày, sau thời gian chung sống giữa hai người phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn, không còn tình cảm nên bà xin được ly hôn. Xét thấy, giữa bà T và ông Narongrit C đã có thời gian dài sống ly thân, mỗi người sống ở một quốc gia, không quan tâm đến nhau, tình cảm đã thật sự phai nhạt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể duy trì quan hệ hôn nhân. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà T được ly hôn với ông Narongrit C là phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà T trình bày, thời gian bà chung sống với ông Narongrit C, hai người có một con chung tên Chaloesaen Chi T1, sinh ngày 20/10/2016, hiện cháu đang ở cùng với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Narongrit C cấp dưỡng. Xét thấy, cháu Chaloesaen Chi T1 chưa đến 07 tuổi, từ khi ông Narongrit C bỏ về Thái Lan, bà T là người nuôi dưỡng cháu Thành cho đến nay, cuộc sống đã ổn định. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên nên quyết định giao cháu Thành cho bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp. Bà T cho rằng, bà có khả năng nuôi con nên không yêu cầu ông Narongrit C cấp dưỡng cho con nên ghi nhận.

Tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và lệ phí ủy thác, chi phí thông báo tố tụng, nguyên đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 153, khoản 2 Điều 227, khoản 6 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T.

- Về hôn nhân: Cho bà Bùi Thị T được ly hôn với ông Narongrit C.

- Về con chung: Giao cháu Chaloemsaen Chi T1, sinh ngày 20/10/2016, (hiện cháu đang chung sống với bà T) cho bà Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc bà không yêu cầu ông Narongrit C cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom con sau khi ly hôn cho ông Narongrit C mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung chưa thành niên, ông Narongrit C và bà T có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Bùi Thị T phải chịu 300.000đ, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000210 ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Bùi Thị T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp số tiền 3.200.000đ (ba triệu hai trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000236 ngày 29/4/2022 và 3.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000237 ngày 29/4/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (bà T đã nộp đủ). Ngoài ra, bà T còn phải chịu chi phí đăng Thông báo tố tụng trên Đài Tiếng nói Việt Nam – Ban Đối ngoại VOV5 cho ông Narongrit C tham gia số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng), công nhận bà T đã thực hiện xong.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết; ông Narongrit C được quyền kháng cáo trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án, tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo luật định./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TPCT;
- Cục THA DS TPCT;
- UBND quận Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án

(Đã ký)

Võ Bảo Anh